

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 1426-5172 / KQPT/2022

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Đầu tư CM
Địa chỉ : 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng.
Địa điểm quan trắc : Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng – Số 19 Trần Quang Khải, phường Hoàng Văn Trụ, quận Hồng bàng, thành phố Hải Phòng
Loại mẫu : Không khí Số lượng mẫu: 01
Mã mẫu : KXQ.221209.45
Ngày lấy mẫu : 09/12/2022 Thời gian phân tích: 09/12/2022-19/12/2022

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 05:2013/BTNMT
				K10-PS	
1	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	66,2	70 ⁽¹⁾
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/m ³	TCVN 5067:1995	73	300
3	CO	µg/m ³	SOP/NB/PT-105	<7.500 ^a	30.000
4	SO ₂	µg/m ³	MASA Method 704.A	<140 ^a	350
5	NO ₂	µg/m ³	TCVN 6137:2009	64	200
6	H ₂ S	µg/m ³	MASA Method 701	KPH (MDL=3)	42 ⁽²⁾
7	NH ₃	µg/m ³	MASA Method 401	KPH(MDL=5)	200 ⁽²⁾
8	HC(n-hexan)*	µg/m ³	NIOSH 1500	KPH (LOD=10)	-(2)

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X(m)	Y(m)
K10-PS	Khu vực tường rào giáp khu dân cư	2307695	0596943

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh (Trung bình 01 giờ).

+ ⁽¹⁾QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

+ ⁽²⁾QCVN 06:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

- “KPH”: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp

- “a”: Kết quả phân tích thấp hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.

- (-): Không quy định.

- (*): Nhà thầu phụ: Công ty Cổ phần Khoa học và Công nghệ Việt Nam (VNST) – Vimcerts 121.

Hà Nội, ngày 19 tháng 12 năm 2022

TRƯỞNG PHÒNG
QA/QC



Đinh Thị Tuyết

KT. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trường Giang

- (*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

- Thông số nghiệm chưa được chứng nhận Vilas.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 2425-5175 /KQPT/2022



Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Đầu tư CM.
Địa chỉ : 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng.
Địa điểm quan trắc : Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng – Số 19 Trần Quang Khải, phường Hoàng Văn Trụ, quận Hồng bàng, thành phố Hải Phòng
Loại mẫu : Không khí làm việc Số lượng mẫu: 01
Mã mẫu : KLV.221209.44
Ngày lấy mẫu : 09/12/2022 Thời gian phân tích: 09/12/2022-19/12/2022

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 03:2019/BYT
				K9-PS	
1	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	56,2	85 ⁽¹⁾
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,07	8 ⁽²⁾
3	CO	mg/m ³	SOP/NB/PT-105	<7,5 ^a	40
4	SO ₂	mg/m ³	MASA Method 704.A	<0,14 ^a	10
5	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,07	10
6	HC (n-hexan)	mg/m ³	CEC/SOP/HT-KK272	KPH	-

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X(m)	Y(m)
K9-PS	Khu vực sảnh đón khách của Trung tâm sơ sinh	2307710	0596900

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (Giới hạn tiếp xúc ngắn).

+ ⁽¹⁾QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;

+ ⁽²⁾QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

- “KPH”: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp

- “a”: Kết quả phân tích thấp hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.

- (-): Không quy định.

Hà Nội, ngày 19 tháng 12 năm 2022

TRƯỞNG PHÒNG
QA/QC

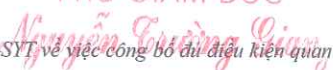


Đinh Thị Tuyết

KT. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC



- Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ (*).

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 5 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

- Các phương pháp quan trắc, phân tích được thực hiện theo văn bản số 7210/SYT-NVY và báo cáo số 7211/BC-SYT về việc công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động.

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 2424 - 5175 /KQPT/2022



Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Đầu tư CM.
Địa chỉ : 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng.
Địa điểm quan trắc : Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng – Số 19 Trần Quang Khải, phường Hoàng Văn Trụ, quận Hồng bàng, thành phố Hải Phòng
Loại mẫu : Không khí làm việc Số lượng mẫu: 01
Mã mẫu : KLV.221209.43
Ngày lấy mẫu : 09/12/2022 Thời gian phân tích: 09/12/2022-19/12/2022

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 03:2019/BYT
				K8-PS	
1	H ₂ S	mg/m ³	MASA Method 701	KPH (MDL=0,003)	15
2	NH ₃	mg/m ³	MASA Method 401	KPH (MDL=0,005)	25

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X(m)	Y(m)
K8-PS	Khu vực xử lý nước thải	2307719	0596911

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (Giới hạn tiếp xúc ngắn).

- “KPH”: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp
Hà Nội, ngày 19 tháng 12 năm 2022

TRƯỞNG PHÒNG
QA/QC



Đinh Thị Tuyết

KT. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Cường Giang

- Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ (*).

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 5 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

- Các phương pháp quan trắc, phân tích được thực hiện theo văn bản số 7210/SYT-NVY và báo cáo số 7211/BC-SYT về việc công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động.

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 1423-5175 /KQPT/2022



Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Đầu tư CM
Địa chỉ : 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng.
Địa điểm quan trắc : Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng – Số 19 Trần Quang Khải, phường Hoàng Văn Trụ, quận Hồng bàng, thành phố Hải Phòng
Loại mẫu : Nước mặt Số lượng mẫu: 01
Mã mẫu : NM.221209.42
Ngày lấy mẫu : 09/12/2022 Thời gian phân tích: 09/12/2022-19/12/2022

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 08-MT:2015/ BTNMT (Cột B2)
				NM-PT	
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,13	5,5-9
2.	Hàm lượng oxy hòa tan (DO)	mg/L	TCVN 7325:2016	3,1	≥2
3.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	13	100
4.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	11	25
5.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220.C:2017	20	50
6.	Amoni (NH ₄ ⁺ _N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,27	0,9
7.	Nitrat (NO ₃ ⁻ _N)	mg/L	TCVN 6180:1996	1,52	15
8.	Phosphat (PO ₄ ³⁻ _P)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,13	0,5
9.	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	TCVN 6053:2011	KPH (MDL=0,02)	0,1
10.	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	TCVN 6219:2011	KPH (MDL=0,2)	1,0
11.	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	KPH (MDL=0,03)	0,5
12.	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221.B:2017	1.700	10.000

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/ Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
NM-PT	Nước mặt vị trí trên sông Tam Bạc	2307730	0596506

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 08-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt;

Cột B2: Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp.

- “KPH”: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp.

(*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

- Thông số nghiêng chưa được chứng nhận Vilas.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty



Environment Together

VIMCERTS 230

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B06 Tiền Phong – P.Phúc Diễn – Q.Bắc Từ Liêm – TP.Hà Nội.

ĐT: (024).73.087.000 - 0985.542.999

Website: moitruongcec.vn

Hà Nội, ngày 19... tháng 12... năm 2022

TRƯỞNG PHÒNG
QA/QC

Đinh Thị Tuyết

KT. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trường Giang

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 2422-5175/KQPT/2022



Tên khách hàng : **Công ty Cổ phần Đầu tư CM**
 Địa chỉ : **6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng.**
 Địa điểm quan trắc : **Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng – Số 19 Trần Quang Khải, phường Hoàng Văn Trụ, quận Hồng bàng, thành phố Hải Phòng**
 Loại mẫu : **Nước thải** Số lượng mẫu: **01**
 Mã mẫu : **NT.221209.41**
 Ngày lấy mẫu : **09/12/2022** Thời gian phân tích: **09/12/2022-19/12/2022**

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 28:2010/ BTNMT C _{max} (Cột B)
				NT-PS	
1.	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550.B:2017	19,7	-
2.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,61	6,5 – 8,5
3.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	CEC/SOP/HT - 001	681	-
4.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	22	50
5.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220.C:2017	46	100
6.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	24	100
7.	Amoni (NH ₄ ⁺ _N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	8,23	10
8.	Nitrat (NO ₃ ⁻ _N)	mg/L	SMEWW 4500.NO ₃ ⁻ .B&E:2017	5,41	50
9.	Phosphat (PO ₄ ³⁻ _P)	mg/L	TCVN 6202:2008	1,44	10
10.	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500.S ²⁻ .B&D:2017	0,13	4,0
11.	Dầu, mỡ động thực vật	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	2,2	20
12.	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	TCVN 6053:2011	KPH (MDL=0,02)	0,1
13.	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	TCVN 6219:2011	KPH (MDL=0,2)	1,0
14.	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221.B:2017	3.300	5.000
15.	Salmonella*	Vi	TCVN 9717:2013	KPH	KPH
16.	Shigella*	khuẩn/	SMEWW 9260E:2017	KPH	KPH
17.	Vibrio cholerae*	100mL	SMEWW 9260H:2017	KPH	KPH

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
NT-PS	Nước thải tại điểm xả cuối	2307715	0596903

- (*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

- Thông số nghiêng chưa được chứng nhận Vilas.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty



Environment Together

VIMCERTS 230

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B06 Tiên Phong - P. Phúc Diễn - Q. Bắc Từ Liêm - TP. Hà Nội

ĐT: (024).73.087.000 - 0985.542.999

Website: moitruongcec.vn

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 28:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế

Cột B quy định giá trị C của các thông số và các chất gây ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải y tế khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

C_{max}: Giá trị tối đa cho phép của các thông số và các chất gây ô nhiễm trong nước thải y tế khi thải ra nguồn tiếp nhận, cột B với hệ số K=1,0.

- "KPH": Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp.

- (-): Không có quy định.

- (*): Nhà thầu phụ: Công ty Cổ phần Khoa học và Công nghệ Việt Nam (VNST) – Vimcerts 121.

Hà Nội, ngày 19... tháng 12... năm 2022

**TRƯỞNG PHÒNG
QA/QC**

Đinh Thị Tuyết

KT. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trường Giang

- (*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

- Thông số nghiêng chưa được chứng nhận Vilas.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 2421-5175 / KQPT/2022



Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Đầu tư CM
Địa chỉ : 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng.
Địa điểm quan trắc : Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng – Số 19 Trần Quang Khải, phường Hoàng Văn Trụ, quận Hồng bàng, thành phố Hải Phòng
Loại mẫu : Khí thải Số lượng mẫu: 01
Mã mẫu : KT.221209.40
Ngày lấy mẫu : 09/12/2022 Thời gian phân tích: 09/12/2022-19/12/2022

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B)
				KT-PS	
1.	Bụi (PM)	mg/Nm ³	US.EPA Method 5	85	200
2.	CO	mg/Nm ³	TCVN 7242:2003	43	1.000
3.	SO ₂	mg/Nm ³	US.EPA Method 8	21	500
4.	NO _x (NO ₂)	mg/Nm ³	TCVN 7172:2002	29	850

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
KT-PS	Ống khói nồi hơi	2307697	0596940

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;

Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với:

- Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007;

- Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Hà Nội, ngày 19 tháng 12 năm 2022

TRƯỞNG PHÒNG
QA/QC



Đinh Thị Tuyết

KT. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trường Giang

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 2420-5175 / KQPT/2022



Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Đầu tư CM
Địa chỉ : 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng.
Địa điểm quan trắc : Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng – Số 19 Trần Quang Khải, phường Hoàng Văn Trụ, quận Hồng bàng, thành phố Hải Phòng
Loại mẫu : Không khí Số lượng mẫu: 02
Mã mẫu : KXQ.221209.38; KXQ.221209.39
Ngày lấy mẫu : 09/12/2022 Thời gian phân tích: 09/12/2022-19/12/2022

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích		QCVN 05:2013/BTNMT
				K6-PS	K7-PS	
1	Tiếng ồn	dB(A)	TCVN 7878-2:2018	57,1	62,5	70 ⁽¹⁾
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/m ³	TCVN 5067:1995	117	129	300
3	CO	µg/m ³	SOP/NB/PT-105	<7.500 ^a	<7.500 ^a	30.000
4	SO ₂	µg/m ³	MASA Method 704.A	<140 ^a	<140 ^a	350
5	NO ₂	µg/m ³	TCVN 6137:2009	69	71	200

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X(m)	Y(m)
K6-PS	Khu vực phía ngoài cổng chính giáp đường Trần Quang Khải	2307718	0596927
K7-PS	Khu dân cư giáp đường Đinh Tiên Hoàng	2307682	0596976

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh (Trung bình 01 giờ).

+ ⁽¹⁾QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

- “a”: Kết quả phân tích thấp hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.

Hà Nội, ngày 19 tháng 12 năm 2022

TRƯỞNG PHÒNG
QA/QC


Đinh Thị Tuyết

KT. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Trường Giang

(*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

Thông số nghiệm chưa được chứng nhận Vilas.

Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng

Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 480-5175 / KQPT/2022



Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Đầu tư CM.
Địa chỉ : 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng.
Địa điểm quan trắc : Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng – Số 19 Trần Quang Khải, phường Hoàng Văn Trụ, quận Hồng bàng, thành phố Hải Phòng
Loại mẫu : Không khí làm việc Số lượng mẫu: 05
Mã mẫu : KLV.221209.33;KLV.221209.34;KLV.221209.35;KLV.221209.36;KLV.221209.37
Ngày lấy mẫu : 09/12/2022 Thời gian phân tích: 09/12/2022-19/12/2022

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích					QCVN 03:2019/ BYT
				K1-PS	K2-PS	K3-PS	K4-PS	K5-PS	
1	Nhiệt độ	$^{\circ}C$	QCVN 46:2012/BTNMT	21,4	21,6	24,6	22,3	19,7	18-32 ⁽¹⁾
2	Độ ẩm	%RH		62,1	62,2	60,7	65,1	62,5	40-80 ⁽¹⁾
3	Tốc độ gió	m/s		0,4	0,4	0,5	0,5	0,5	0,2-1,5 ⁽¹⁾
4	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	56,3	56,3	58,1	57,4	56,4	85 ⁽²⁾
5	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,07	0,06	0,21	0,13	0,19	8 ⁽³⁾
6	CO	mg/m ³	SOP/NB/PT-105	<7,5 ^a	<7,5 ^a	<7,5 ^a	<7,5 ^a	<7,5 ^a	40
7	SO ₂	mg/m ³	MASA Method 704.A	<0,14 ^a	<0,14 ^a	<0,14 ^a	<0,14 ^a	<0,14 ^a	10
8	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,05	0,07	0,06	0,05	0,09	10

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X(m)	Y(m)
K1-PS	Khu vực tiếp đón bệnh nhân;	2307714	0596925
K2-PS	Khu vực khám chữa bệnh;	2307716	0596920
K3-PS	Khu vực lò hơi đốt than;	2307695	0596943
K4-PS	Khu vực giặt là;	2307710	0596941
K5-PS	Khu vực bãi đỗ xe của bệnh viện.	2307713	0596918

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (Giới hạn tiếp xúc ngắn).

+ ⁽¹⁾QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;

+ ⁽²⁾QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;

+ ⁽³⁾QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

- “a”: Kết quả phân tích thấp hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.

- Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ (*).

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 5 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

- Các phương pháp quan trắc, phân tích được thực hiện theo văn bản số 7210/SYT-NVY và báo cáo số 7211/BC-SYT về việc công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động.

Hà Nội, ngày ...19... tháng 12... năm 2022

**TRƯỞNG PHÒNG
QA/QC**



Đinh Thị Tuyết

KT. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trường Giang